

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/DS-PT**

Ngày: 09-9-2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Quân

Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Hải

Ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 13/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1963.

Trú tại: Thôn A, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần N – Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái. Địa chỉ: Số 286 đường X, phường Y, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Những người làm chứng:

1. Bà Đinh Thị L1- Trú tại: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H- Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Chị Đỗ Thị Ngọc L2– Trú tại: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

4. Anh Trịnh Quốc D – Trú tại: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

5. Anh Đỗ Việt H1 – Trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt.

6. Chị Đặng Thị H2 - Trú tại: Thôn A, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bà Lê Thị M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết và là anh em xa nên tôi và chị Nguyễn Thị L, cư trú tại thôn Tân Thịnh, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái có thoả thuận miệng mua bán quế với nhau, cụ thể như sau: Ngày 14-6-2020, chị L cho em gái là Nguyễn Thị H đến nhà tôi cân (mua) 616 kg quế vụn với giá 25.000 đồng/01 kg, thành tiền là 15.400.000 đồng, khi nhận hàng chưa trả tiền ngay. Ngày 23-6-2020, chị L cho em gái là H đến nhà tôi cân (mua) 1.386 kg quế ống C với giá 52.000 đồng/01 kg, thành tiền là 72.072.000 đồng, khi nhận hàng chưa trả tiền cho tôi. Ngày 27-7-2020, chị L trực tiếp đến nhà tôi cân (mua) 397 kg quế vụn với giá 24.000 đồng/01 kg, thành tiền là 9.500.000 đồng. Khi cân hàng và nhận hàng mã hàng này chị L chuyển khoản trả tôi luôn. Tôi có hỏi tiền của mã hàng tôi bán ngày 14-6-2020 và ngày 23-6-2020, thì chị L hẹn tôi mai đến nhà chị L lấy tiền. Ngày 28-7-2020 tôi đến nhà chị L và chị L trả cho tôi tiền mặt 50.000.000 đồng. Ngày 04-8-2020, chị L đến nhà tôi cân 4.898 kg quế sáo với giá 91.500 đồng/01 kg, thành tiền là 448.167.000 đồng. Lần lấy hàng này trước đó ngày 30-7-2020 chị L đã chuyển trước cho tôi 150.000.000 đồng, khi lấy hàng ngày 04-8-2020 chị L chuyển khoản tiếp cho tôi 150.000.000 đồng và ngày 24 tháng 8 năm 2020 đã chuyển khoản cho tôi 50.000.000 đồng. Như vậy mã hàng này chị L đã trả tôi 350.000.000 đồng, còn nợ lại của mã hàng ngày 04-8-2020 là 98.167.000 đồng. Ngày 02-9-2020, chị L đến nhà tôi cân 4.744 kg quế sáo với giá 91.000 đồng/01 kg, thành tiền 431.700.000 đồng, chị L trả tôi tiền mặt 90.000.000 đồng và đến ngày 03-9-2020 chị L chuyển khoản trả tôi 100.000.000 đồng, tiếp theo đó ngày 07-9-2020 chuyển khoản trả tôi 100.000.000 đồng và ngày 10-9-2020 chị L chuyển khoản trả tôi 100.000.000 đồng và chị L cũng bán lại căng quế cho tôi với số lượng là 323 kg với giá 60.000 đồng /01 kg thành tiền là 19.300.000 đồng. Ngày 01-10-2020 tôi và chị L cùng cộng sổ và xảy ra tranh chấp, chị L chuyển khoản trả tôi số tiền 85.960.000 đồng.

Như vậy số tiền chị L đã mua hàng (quế) của tôi những lần trên là: 976.839.000 đồng và sau những lần lấy hàng chị L đã trả tôi số tiền cả chuyển khoản, trả bằng tiền mặt và tiền tôi mua căng quế của chị L ngày 10-9-2020 (19.300.000 đồng) tổng số tiền tôi nhận những mã hàng trên là: 904.760.000 đồng.

Bù trừ chị L còn nợ tiền mua hàng của tôi những lần trên là: 72.079.000 đồng.

Tôi đề nghị Toà án buộc chị L trả tôi số tiền nợ đã mua hàng còn là 72.079.000 đồng, ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Tôi và bà Lê Thị M, cư trú tại Thôn A, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái có mua bán quế với nhau, việc mua bán có lần tôi trả bằng tiền mặt cũng có lần tôi chuyển khoản, cụ thể như sau: Ngày 14-6-2020, tôi nhờ em gái là Nguyễn Thị H đến nhà bà M cân hàng (mua hàng) hộ tôi, ngày hôm đó H cân 616 kg quế vụn với giá 25.000 đồng/01 kg, thành tiền là 15.400.000 đồng, khi nhận hàng chưa trả tiền ngay cho bà M. Ngày 23/6/2020, tôi nhờ em gái là Nguyễn Thị H đến nhà bà M cân (mua) 1.386 kg quế ống C với giá 52.000 đồng/01 kg, thành tiền là 72.072.000 đồng, khi nhận hàng chưa trả tiền cho bà M. Tối ngày 24-6-2020, bà M đến nhà tôi lấy tiền mặt số tiền 72.050.000 đồng, khi bà M đến nhà tôi lấy tiền con trai tôi cũng biết. Ngày 27-7-2020, tôi trực tiếp đến nhà bà M cân 397 kg quế vụn đẽo với giá 24.000 đồng/01 kg, thành tiền là 9.500.000 đồng. Mã hàng mua của bà M ngày 27-7-2020 tôi chuyển khoản trả tiền luôn trong ngày. Ngày 30-7-2020 tôi có chuyển khoản đặt cọc mua quế sáo của bà M 150.000.000 đồng (có chứng từ giao dịch). Ngày 04-8-2020, tôi cân (mua) của bà M 4.898 kg quế sáo với giá 91.500 đồng/01 kg, thành tiền là 448.167.000 đồng và tôi chuyển khoản 150.000.000 đồng. Ngày 10/8/2020, bà M có ra nhà tôi và tôi trả bà 50.000.000 đồng tiền mặt và có mẹ chồng tôi biết. Ngày 24-8-2020, tôi có chuyển khoản 50.000.000 đồng (có chứng từ giao dịch). Ngày 02-9-2020, tôi có đến nhà bà M cân (mua) 4.744 kg quế sáo với giá 91.000 đồng/01 kg, thành tiền 431.700.000 đồng, tôi có trả tiền mặt 90.000.000 đồng, sau đó ngày 03-9-2020 tôi có chuyển khoản trả bà M 100.000.000 đồng; ngày 07-9-2020 tôi có chuyển khoản trả bà M 100.000.000 đồng; ngày 10-9-2020 tôi chuyển khoản trả bà M 100.000.000 đồng và tôi cũng bán lại căng quế cho bà M với số lượng là 323 kg với giá 60.000 đồng/01 kg thành tiền là 19.300.000 đồng. Ngày 01-10-2020 tôi và bà M cùng cộng sổ, chốt sổ nợ và xảy ra tranh chấp. Tôi còn nợ bà M số tiền 85.960.000 đồng và ngày 01 tháng 10 năm 2020 tôi đã chuyển khoản trả bà M số tiền 85.960.000 đồng.

Đến nay bà M yêu cầu tôi phải trả số tiền nợ đã mua hàng là 72.079.000 đồng tôi không đồng ý vì tôi đã trả đủ cho bà M không còn nợ tiền hàng như bà M yêu cầu.

- Những người làm chứng trình bày:

Cháu Trịnh Quốc Dtrình bày: Vào khoảng xế chiều, cháu không nhớ ngày tháng vì đã lâu khoảng 01 năm rồi cháu thấy có bà M (bà M là người hay mua bán quế với mẹ cháu) có đến nhà cháu gặp mẹ cháu và mẹ cháu có trả tiền cho bà M, còn cụ thể Mẹ cháu trả cho bà M bao nhiêu tiền cháu không rõ. Ngoài cháu ra lúc đó còn có bạn Chiến và bạn Huỳnh đang chơi ở nhà cháu cũng biết việc Mẹ cháu trả tiền cho bà M.

Bà Đinh Thị L1 trình bày: Chị Nguyễn Thị L là con dâu của tôi. Chị L có mua bán quế với bà Lê Thị M, cụ thể việc mua bán như thế nào tôi không biết. Tôi không nhớ ngày, giờ nào bà M có đến nhà chị L lấy tiền, tôi thấy chị L trả tiền cho bà M còn trả bao nhiêu tiền và trả tiền mua hàng ngày nào thì tôi không biết. Tôi không có tài liệu, chứng cứ gì nộp cho Toà án.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi là em gái của chị Nguyễn Thị L. Ngày 14-6-2020 chị L có nhờ tôi đến nhà bà M cân (mua) quế với khối lượng 616 kg và ngày 23-6-2020, chị L có nhờ tôi đến nhà bà M cân (mua) 1.386 kg quế, còn về giá cả và thanh toán tiền giữa chị L và bà M như thế nào tôi không biết. Tôi không có tài liệu, chứng cứ gì nộp cho Toà án. Tôi không trình bày gì thêm.

Chị Đỗ Thị Ngọc L2 trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị L có mua chung quế của bà M. Ngày mua hàng là ngày 03-5-2020. Sau đó tôi có đưa tiền cho chị L để chị L trả bà M sau một hai ngày gì đó, còn chị L trả vào giờ nào thì tôi không rõ. Tranh chấp mua bán hàng giữa bà M và chị L như thế nào tôi không biết. Tôi không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Toà án. Tôi đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc của Toà án, Toà án đưa vụ án ra xét xử, tôi đề nghị xét xử vắng mặt tôi. Tôi không trình bày gì thêm.

Anh Đỗ Việt H1 trình bày: Ngày 29-4-2020 tôi có bán căng quế khô cho chị Lê Thị M với số tiền hàng là 150.500.000 đồng, khi tôi bán hàng cho chị M, chị M mới trả tôi 50.500.000 đồng, chị M còn nợ lại tôi 100.000.000 đồng, hẹn mấy hôm trả nốt. Đến ngày 05-5-2020 tôi đi mua hàng ở Đại Sơn về tôi có ghé vào nhà chị M đòi tiền lúc đó khoảng 17 giờ 30 phút đến 18 giờ, chị M bảo hôm nay L hẹn trả tao 89.000.000 đồng nên tao chỉ có 89.000.000 đồng trả mày thôi, số còn lại 11.000.000 đồng chị M hẹn mấy hôm nữa trả nốt. Trên đường tôi đi về chị M bảo tôi cùng đi đến đường rẽ vào nhà chị L. Tôi đứng ngoài đường cái to chờ chị M. Chị M đi một mình vào nhà chị L lúc đó khoảng hơn 18 giờ tôi không nhớ rõ, chị M đi vào nhà L khoảng 15 phút sau quay ra chỗ tôi đứng đưa cho tôi 89.000.000 đồng. Tôi có đếm lại và nhận của chị M tối hôm đó là 89.000.000 đồng. Việc mua bán hàng hoá giữa chị M và chị L như thế nào tôi không biết. Tôi không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Toà án. Tôi đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc của Toà án, Toà án đưa vụ án ra xét xử, tôi đề nghị xét xử vắng mặt tôi. Tôi không trình bày gì thêm.

Chị Đặng Thị H2 trình bày: Tôi là con đẻ của bà Lê Thị M. Bà M và chị L có

mua bán quế với nhau. Tôi không nhớ ngày tháng nào vào buổi sáng chị L có đến nhà tôi cân quế của Mẹ tôi là bà M. Chị L có bảo mẹ tôi là bà cân quế cho cháu cháu trả tiền luôn còn nợ cũ, bà ra nhà cháu, cháu trả. Tôi cân quế cho chị L sau đó cung cấp số tài khoản của mẹ tôi cho chị L và chị L thao tác trên điện thoại chuyển khoản trả tiền mua hàng ngày hôm đó cho mẹ tôi luôn. Việc mua bán và trả tiền hàng giữa mẹ tôi và chị L cụ thể như thế nào tôi không biết. Tôi không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án. Tôi không trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 07-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 433, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M. Buộc chị Nguyễn Thị L phải thanh toán trả bà Lê Thị M số tiền 72.079.000 (Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền về thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20-7-2021, bị đơn chị Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm (đề ngày 19-7-2021) với các nội dung không nhất trí toàn bộ bản án số 02/2021/DS-ST ngày 07-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn chị Nguyễn Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo cho rằng chị đã thanh toán đầy đủ cho bà M các khoản tiền hàng, thậm chí còn thanh toán thừa tiền cụ thể vào ngày 11-8-2020, chị đã thực hiện chuyển khoản trả cho bà M số tiền 272.000.000 đồng. Chị L giao nộp cho tòa án cấp phúc thẩm bản sao 13 chứng từ chuyển khoản cho bà Lê Thị M và bản sao sổ phụ của chị L từ ngày 15-6-2020 đến ngày 10-10-2020 (do chi nhánh Ngân hàng Agribank Văn Yên – Bắc Yên Bái cung cấp).

Về nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L, nguyên đơn bà Lê Thị M xác định số tiền 272.000.000 đồng chị L chuyển khoản cho bà vào ngày 11-9-2020 là khoản tiền chị L thanh toán cho bà khi chị L mua hàng quế sáo của bà vào ngày 11-9-2020 với khối lượng 2.972kg với giá 91.500đồng/kg; sau khi cân và bốc hàng ngày 11-9-2020, chị L chuyển tiền trả xong mã hàng này nên bà không đề cập đến

trong việc kiện đòi nợ này. Số tiền bà M đòi nợ chị L là các khoản tiền của số hàng đã cân chưa trả tiền hoặc trả chưa hết, cụ thể là:

- Hàng quế vụn ngày 14-6-2020 trị giá 15.400.000, đồng (chưa trả);
- Hàng quế ống C ngày 23-6-2020 trị giá 72.072.000, đồng mà ngày 28-7-2020 tôi ra nhà lấy 50.000.000, đồng tiền mặt, còn lại 22.072.000, đồng chưa trả;
- Hàng quế sáo 4.898 kg cân ngày 04-8-2020 thành tiền là 448.167.000, đồng chị L mới chuyển khoản ứng cho tôi vào ngày 30-7-2020 là 150.000.000, đồng; chuyển khoản khi lấy hàng ngày 04-8-2020 là 150.000.000, đồng; chuyển khoản cho tôi vào ngày 24-8-2020 là 100.000.000, đồng như vậy mã hàng chị L mua ngày 04-8-2020 còn nợ lại 98.167.000, đồng;
- Hàng quế sáo 4.744 kg cân ngày 02-9-2020 thành tiền là 431.700.000, đồng mà chị L mới trả cho tôi tiền mặt vào ngày 02-9-2020 là 90.000.000, đồng và chuyển khoản cho tôi vào ngày 03-9-2020 là 100.000.000, đồng; chuyển khoản ngày 07-9-2020 là 100.000.000, đồng; chuyển khoản ngày 10-9-2020 là 100.000.000, đồng; tôi mua lại số quế căng của chị L trị giá 19.300.000, đồng vào ngày 10-9-2020 nên số tiền còn thiếu của mã quế sáo ngày 02-9-2020 là 22.400.000, đồng;

Đến ngày 01-10-2020, tôi và chị L cộng sổ thì chị L mới chuyển khoản trả cho tôi số tiền 85.960.000, đồng. Chị L và tôi có cãi nhau về số tiền mua quế ống C ngày 23-6-2020 mà chị L nói đã trả hết rồi, nên tôi mới khởi kiện. Vì số tiền chị L còn nợ tôi là: $(15.400.000,đ + 22.072.000,đ + 98.167.000,đ + 22.400.000,đ) - 85.960.000,đ = 72.079.000,đ$.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn Luật sư Trần N đề nghị: Vì toàn bộ số hàng từ ngày 14-6-2020 đến ngày 02-9-2020 hai bên đã thống nhất với nhau; việc thanh toán tiền mặt và chuyển khoản giữa chị L và bà M đã được tòa án cấp sơ xác định đến ngày 10-9-2020 và ngày 01-10-2020 thì chị L còn nợ lại bà M số tiền 72.079.000, đồng; Tuy nhiên chị L đã xuất trình được chứng cứ thể hiện ngày 11-9-2020, chị L đã chuyển khoản cho bà M 272.000.000, đồng mà chưa được xem xét ở Tòa án cấp sơ thẩm. Như vậy, sau khi trừ đi số nợ 72.079.000, đồng mà bà M đòi thì chị L đã chuyển thừa tiền cho bà M gần 200 triệu đồng. Đối với ý kiến của bà Lê Thị M về số tiền đã nhận ngày 11-9-2020 là khoản tiền khác đã mua xong và thanh toán xong, nhưng hiện tại không có chứng cứ nào xác thực việc mua bán trên, bản thân chị Nguyễn Thị L không thừa nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về

phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 07-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái; Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện V đã xác định đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về Hợp đồng mua bán tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; đồng thời xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng trong vụ án.

Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L được làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ, quá trình tố tụng tại Tòa án đã xác định được việc mua bán tài sản (hàng hóa) và thanh toán tiền giữa hai bên như sau:

- Ngày 14-6-2020, chị L nhờ em gái là Nguyễn Thị H đến nhà bà M cân hàng (mua hàng) 616 kg quế vụn với giá 25.000 đồng/01 kg, thành tiền là 15.400.000 đồng, khi lấy hàng chưa trả tiền.

- Ngày 23-6-2020, chị L nhờ em gái là Nguyễn Thị H đến nhà bà M cân (mua) 1.386 kg quế ống C với giá 52.000 đồng/01 kg, thành tiền là 72.072.000 đồng, khi lấy hàng chưa trả tiền.

- Ngày 27-7-2020, chị L trực tiếp đến nhà bà M cân 397 kg quế vụn đẽo với giá 24.000 đồng/01 kg, thành tiền là 9.500.000 đồng, chị L chuyển khoản trả số tiền này cho bà M cùng ngày.

- Ngày 04-8-2020, chị L cân (mua) của bà M 4.898 kg quế sáo với giá 91.500 đồng/01 kg, thành tiền là 448.167.000 đồng. Số hàng này chị L đã chuyển khoản ứng trước vào ngày 30-7-2020 số tiền 150.000.000, đồng; khi cân hàng ngày 08-8-2020, chị L chuyển khoản 150.000.000, đồng; ngày 24-8-2020 chị L chuyển khoản số tiền 50.000.000, đồng.

- Ngày 02-9-2020, chị L có đến nhà bà M cân (mua) 4.744 kg quế sáo với giá 91.000 đồng/01 kg, thành tiền 431.700.000 đồng, cùng ngày chị L trả tiền mặt cho bà M số tiền 90.000.00, đồng; ngày 03-9-2020 chị L chuyển khoản trả bà M 100.000.000, đồng; ngày 07-9-2020 chị L chuyển khoản trả bà M 100.000.000,

đồng và ngày 10-9-2020 chị L chuyển khoản trả bà M 100.000.000, đồng; đồng thời chị L bán lại căng quế cho bà M với số lượng là 323 kg với giá 60.000 đồng /01kg thành tiền là 19.300.000 đồng.

- Ngày 01-10-2020 chị L và bà M cộng sổ và chị L có chuyển khoản cho bà Mich số tiền là 85.960.000.000 đồng.

Về số lượng hàng hóa và việc thanh toán như trên hai bên đều thống nhất và thừa nhận. Ngoài ra, còn một khoản tiền mặt 50.000.000, đồng chị L trả và bà M thừa nhận, nhưng hai bên không thống nhất về thời điểm trả vì bà M khai bà ra nhà chị L lấy số tiền 50 triệu trên vào ngày 28-7-2020 còn chị L khai trả vào ngày 10-8-2020. Tuy nhiên, do hai bên đều xác nhận việc có trả và nhận tiền nên cần được chấp nhận về số tiền chị L đã trả là 50.000.000, đồng.

Như vậy, tổng số tiền hàng chị L đã mua của bà M là 976.839.000 đồng; Tổng số tiền chị L đã trả cho bà M là 904.760.000 đồng. Số tiền còn lại 72.079.000,đồng trong quá trình giải quyết sơ thẩm không có căn cứ chứng minh chị L đã thanh toán cho bà M. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 72.079.000,đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L cho rằng số tiền còn nợ như bản án xác định thì chị L đã trả đủ và còn thừa tiền do ngày 11-9-2020 chị L đã chuyển khoản cho bà M số tiền 272.000.000, đồng và xuất trình 03 bản sao chứng từ chuyển khoản số tiền nói trên và bản sao sổ phụ của chị L. Bà Lê Thị M thừa nhận được chị L chuyển khoản số tiền 272.000.000, đồng vào ngày 11-9-2020 nhưng cho rằng đây là khoản tiền chị L thanh toán cho số hàng quế sáo mua vào ngày 11-9-2020.

Về ý kiến kháng cáo của chị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm chị L xác định đã trả mã hàng quế ống C mua ngày 23-6-2020 vào tối ngày 24-6-2020 với số tiền 72.050.000,đồng nhưng ý kiến này của chị L không có chứng cứ nào để chứng minh nên đã không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận. Mặt khác, trong hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 11-6-2021, chị Nguyễn Thị L đã giao nộp 02 tài liệu gồm 01 bản chụp từ sổ của bà M (BL:49); 01 bản phô tô bà M giao cho em chị L (BL: 50). Theo hai tài liệu này thì phần chữ viết của bà M đã thể hiện “*ngày 11/9 L cân sáo trả hết 270.000 xong; 11/9 chuyển 3 lần 100, 100, 72 cân hàng xong chuyển xong*” và phần này đã được gạch chéo. Như vậy, ý kiến của bà Lê Thị M cho rằng số tiền 272.000.000, đồng chị L chuyển khoản cho bà vào ngày 11-9-2020 là khoản tiền chị L thanh toán cho số hàng quế sáo mua vào ngày 11-9-2020 là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L về việc cho rằng đã

thanh toán chuyển khoản số tiền 272.000.000, đồng vào ngày 11-9-2020 là để thanh toán cho các khoản tiền hàng còn thiếu trong những lần mua bán trước đó, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

Ý kiến đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L không được chấp nhận, nên chị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M. Buộc chị Nguyễn Thị L phải thanh toán trả bà Lê Thị M số tiền 72.079.000, đồng (Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Lê Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, đối với khoản tiền chị Nguyễn Thị L phải thanh toán, hàng tháng chị L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005619 ngày 23-7-2021.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA. (10b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Quân